

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Giáp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Quyết.

Ông Hoàng Quốc Trị.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2023/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Đinh Thị Hồng T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: **số nhà G đường T, phố A, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.**

- Bị đơn: anh **Ngô Văn H**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: **xóm C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.**

Chị **T**, anh **H** đều có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đinh Thị Hồng T** trình bày:

Chị và anh **Ngô Văn H** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được **UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau tại **xóm C, xã G, huyện G**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Anh **H** sống không quan tâm tới gia đình vợ con, thường xuyên ghen tuông và có những hành vi bạo lực đối với chị khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn với nhau. Đến cuối năm 2013, do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng nên chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại **phố A, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** để sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó tới nay không

còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Ngô Văn H**.

Về con chung: chị **Đinh Thị Hồng T** xác định chị và anh **Ngô Văn H** có 2 con chung là cháu **Ngô Việt A**, sinh ngày 10/3/2009 và cháu **Ngô Khánh V**, sinh ngày 17/3/2013, hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị **T**. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh **H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về thời điểm cấp dưỡng, chị **T** yêu cầu anh **H** thực hiện từ tháng 7/2024.

Về tài sản chung: chị **T** không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Ngô Văn H** trình bày:*

Việc tìm hiểu, kết hôn, cuộc sống chung giữa anh và cô **Đinh Thị Hồng T** đúng như những gì cô **T** đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại **xóm C, xã G, huyện G**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của hai vợ chồng khác nhau dẫn tới vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2013 thì chị **T** đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ cô **T** tại **số nhà G đường T, phố A, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** để sinh sống, anh và chị **T** sống ly thân với nhau từ đó tới nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng anh đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, tuy nhiên việc cô **T** xin ly hôn đó là quyền của cô **T**, bản thân anh vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh **Ngô Văn H** xác nhận anh và chị **T** có 2 con chung là cháu **Ngô Việt A**, sinh ngày 10/3/2009 và cháu **Ngô Khánh V**, sinh ngày 17/3/2013, hiện nay các con đều đang ở với chị **T**. Nếu phải ly hôn anh **H** đồng ý tiếp tục giao cả hai con cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung với mức là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh **H** không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn chị **Đinh Thị Hồng T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh **Ngô Văn H** có nơi cư trú tại: **xóm C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **H** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được **UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2008. Việc kết hôn của chị **T**, anh **H** đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xác định quá trình chung sống chị **T**, anh **H** hạnh phúc được một thời gian, sau đó do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng chị **T**, anh **H** thường xuyên va chạm cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; từ khoảng cuối năm 2013 cho đến nay chị **T** và anh **H** sống ly thân nhau hoàn toàn, mỗi người một nơi, không ai quan tâm chăm sóc cho ai.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đinh Thị Hồng T**.

**[3]. Về con chung:** Trên cơ sở trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp, xác định chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** có hai con chung là các cháu **Ngô Việt A**, sinh ngày 10/3/2009 và cháu **Ngô Khánh V**, sinh ngày 17/3/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị **T** và anh **H** cùng thống nhất giao cả hai con chung cho chị **Đinh Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy cả chị **T** và anh **H** cùng thống nhất việc giao cả hai con cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị **T** không vi phạm nghĩa vụ làm mẹ đối với con của mình, là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác đảm bảo cho việc nuôi dạy con chung do vậy cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** thống nhất anh **H** có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi con là

1.000.000 đồng/ 1 con/ 1 tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận về mức cấp dưỡng đã thể hiện ý chí của các đương sự, do vậy cần chấp nhận.

Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: chị **T** yêu cầu anh **H** thực hiện từ tháng 7/2024, xét yêu cầu của chị **T** là phù hợp do vậy cần chấp nhận.

**[4] Về tài sản và công nợ chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị **Đinh Thị Hồng T** và anh **Ngô Văn H** cùng không yêu cầu giải quyết vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

**[5] Về án phí:** chị **Đinh Thị Hồng T** chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh **Ngô Văn H** phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đinh Thị Hồng T**.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho chị **Đinh Thị Hồng T** được ly hôn với anh **Ngô Văn H**.

2. *Về con chung:* Giao cháu **Ngô Việt A**, sinh ngày 10/3/2009 và cháu **Ngô Khánh V**, sinh ngày 17/3/2013 cho chị **Đinh Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh **Ngô Văn H** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi con là 1.000.000 đồng/ 1 con/ 1 tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Về án phí: **Đinh Thị Hồng T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số 0000873 ngày 16/11/2023.

- Anh **Ngô Văn H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

*Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- UBND xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lã Hoàng Giáp**